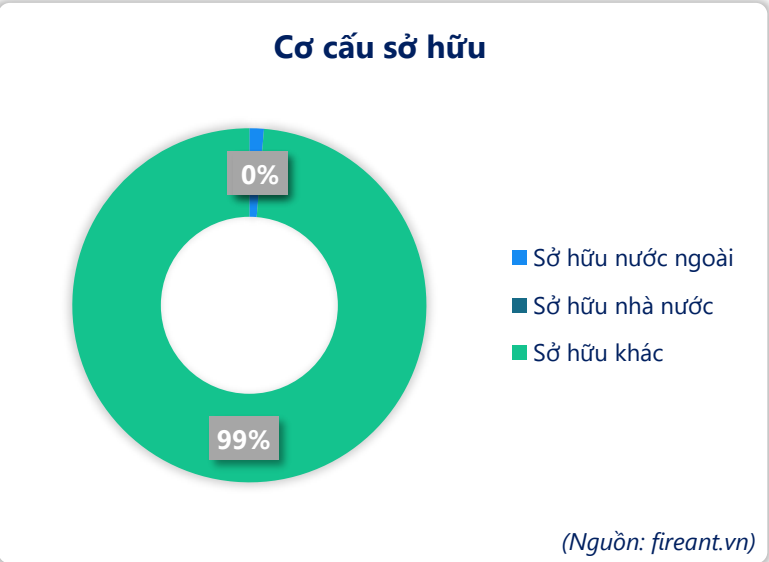
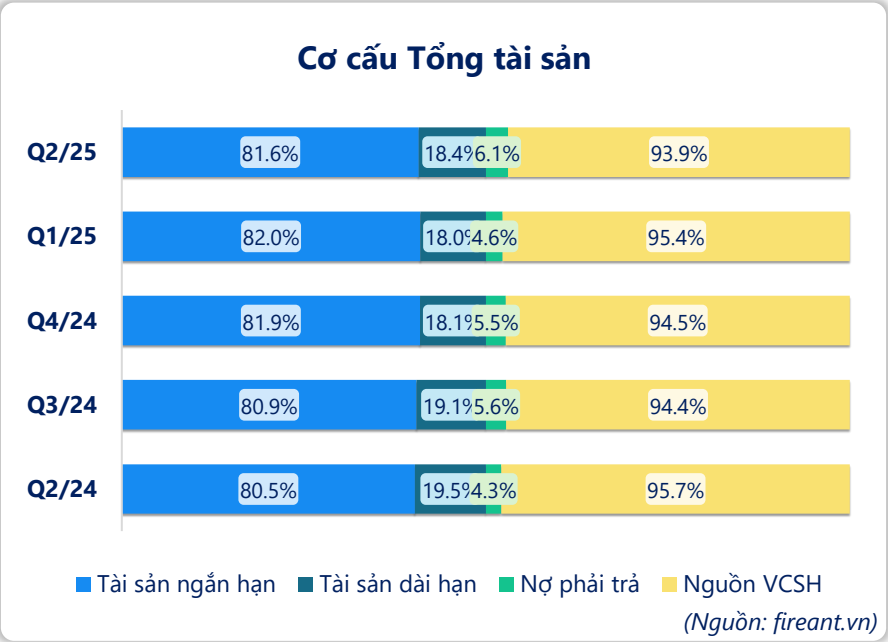
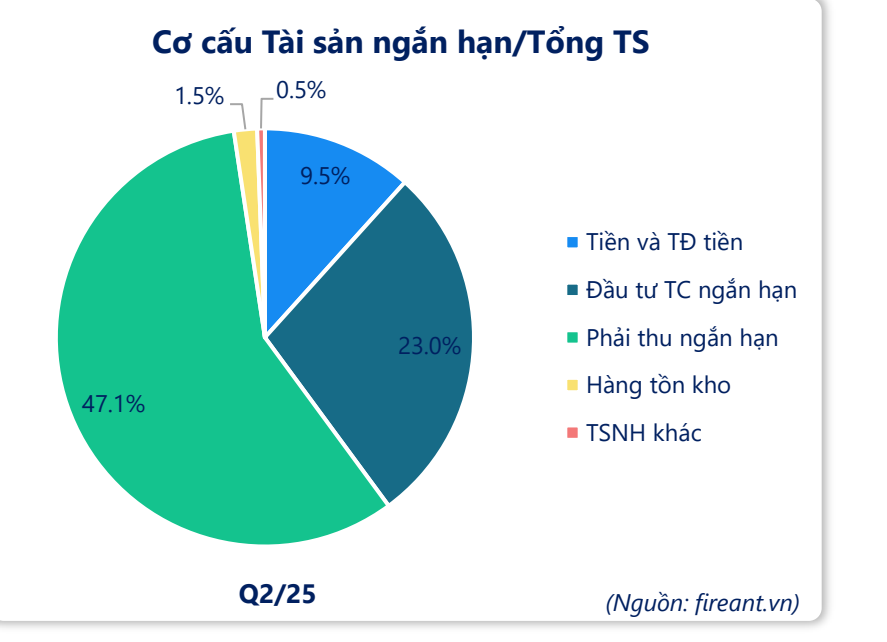
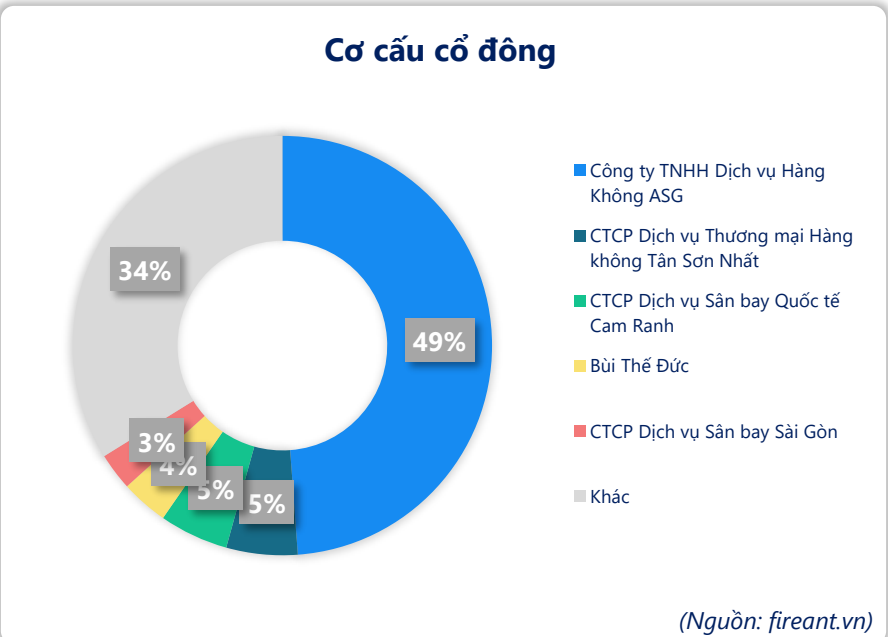
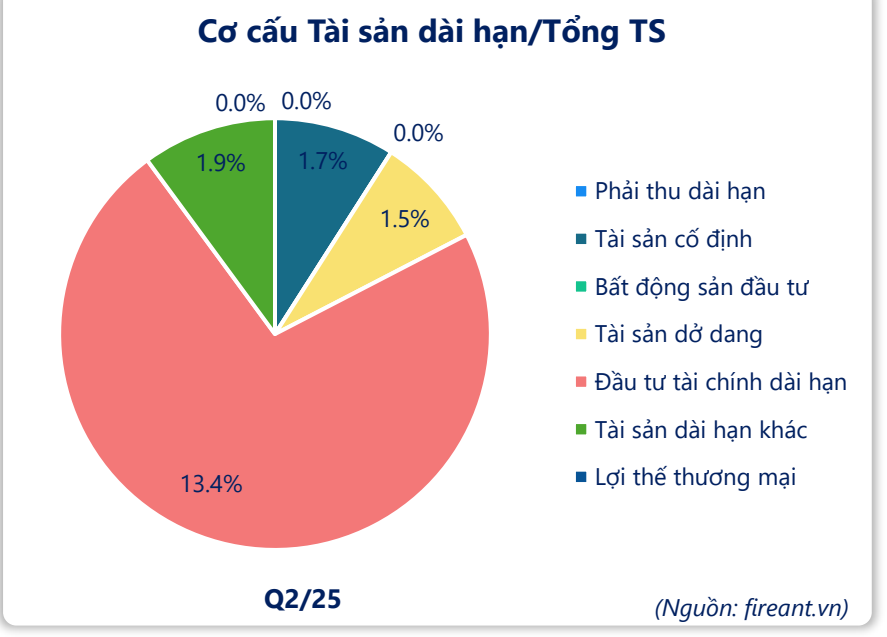
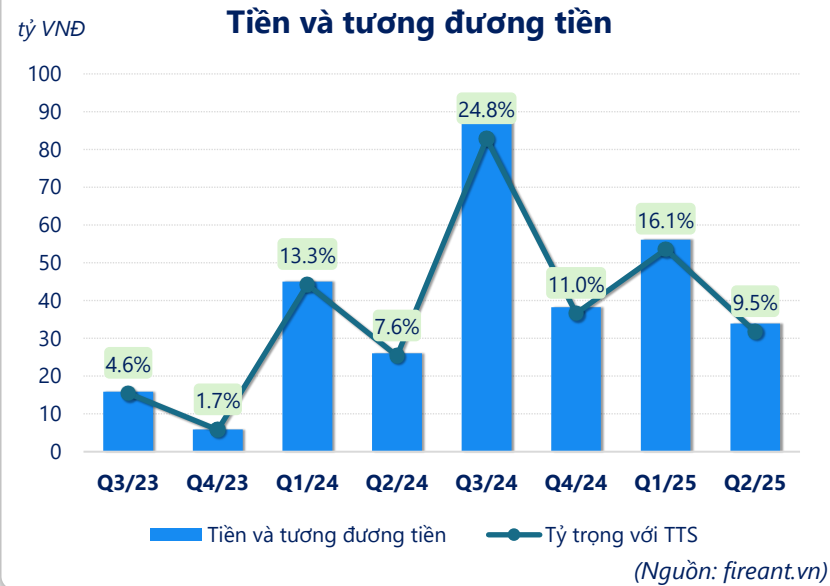
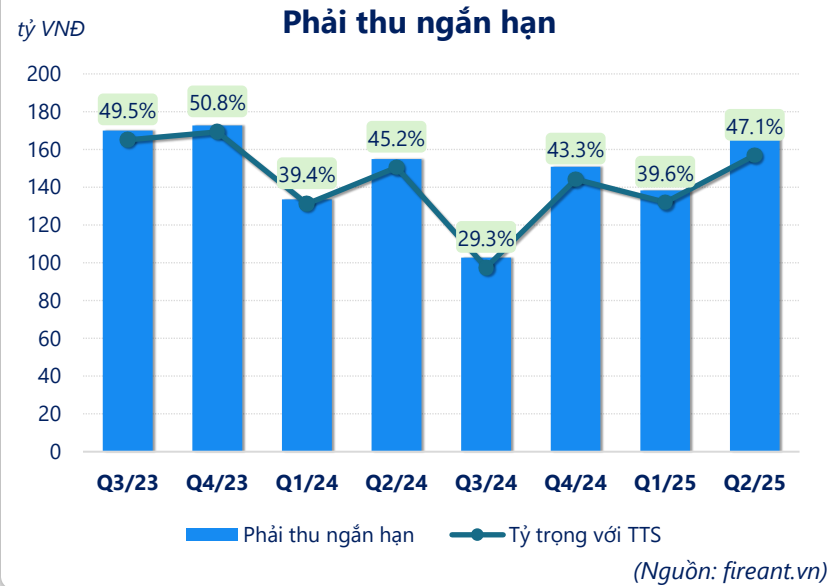
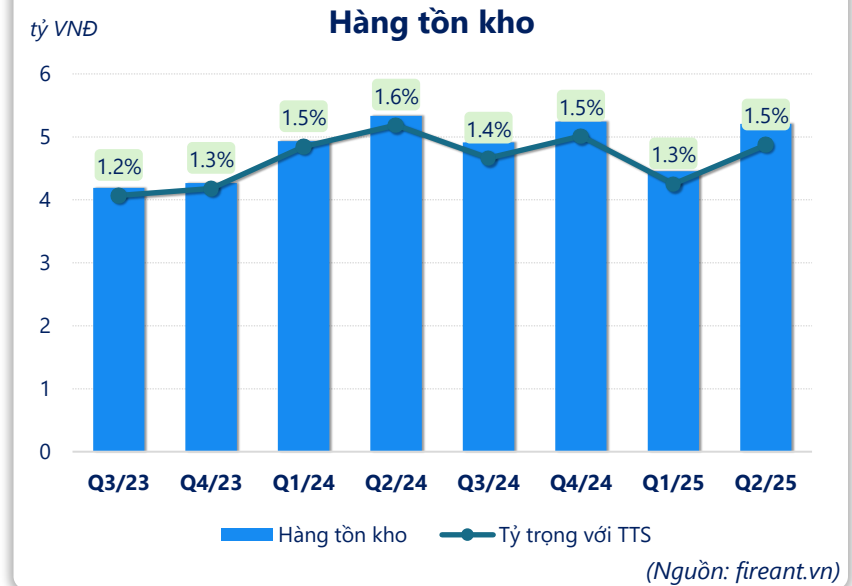
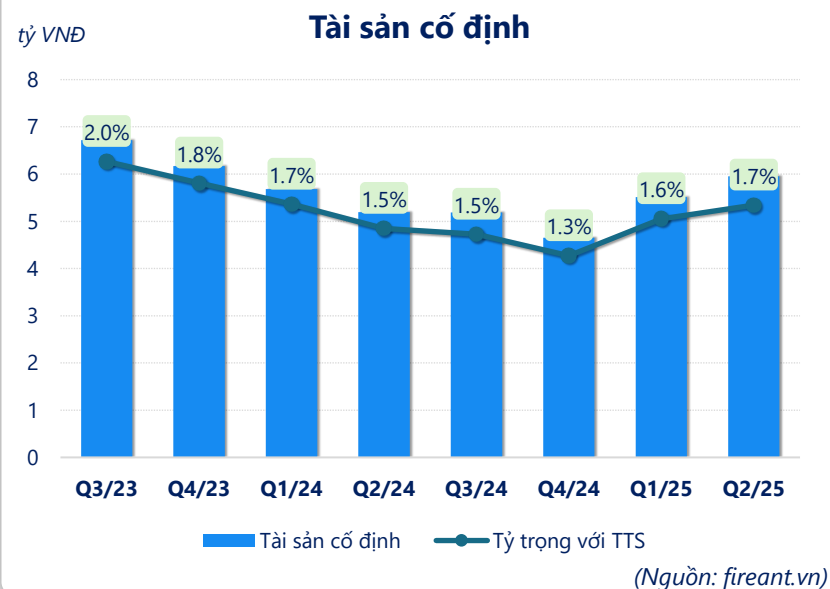
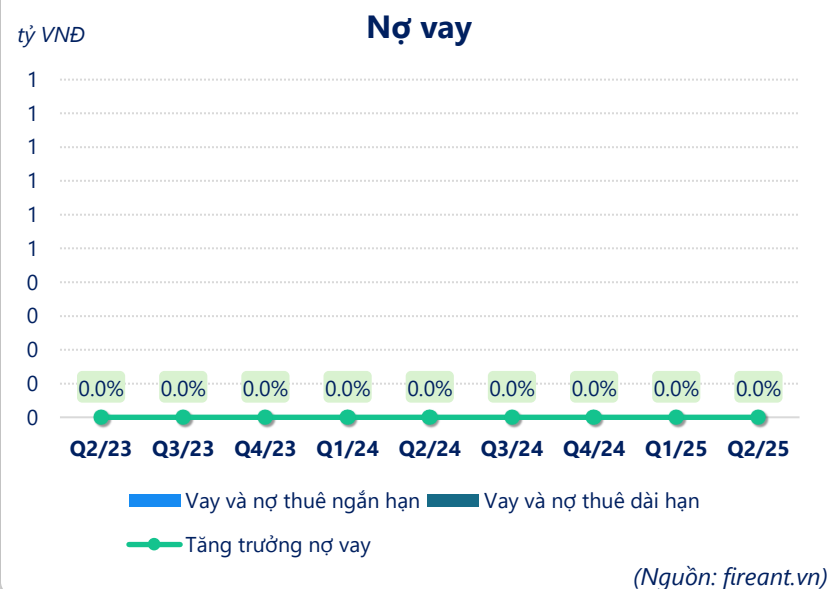
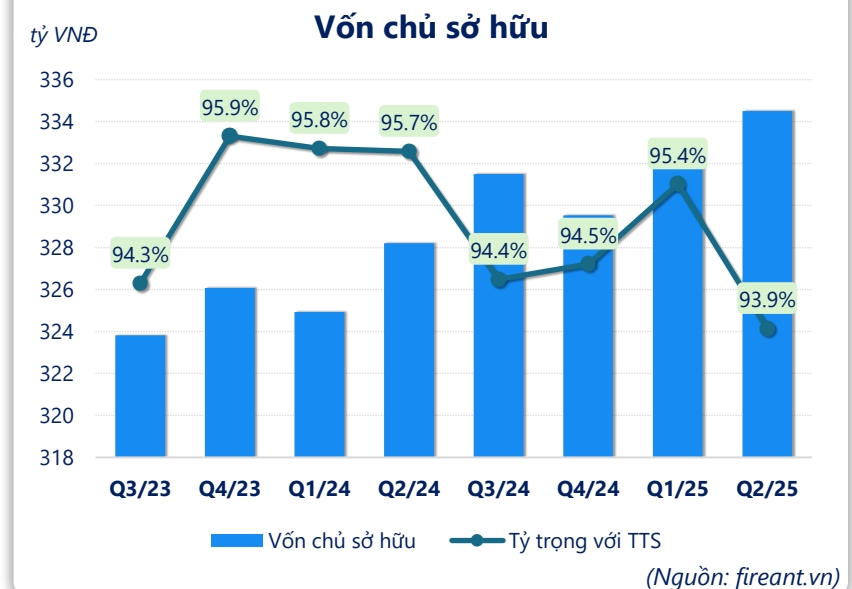
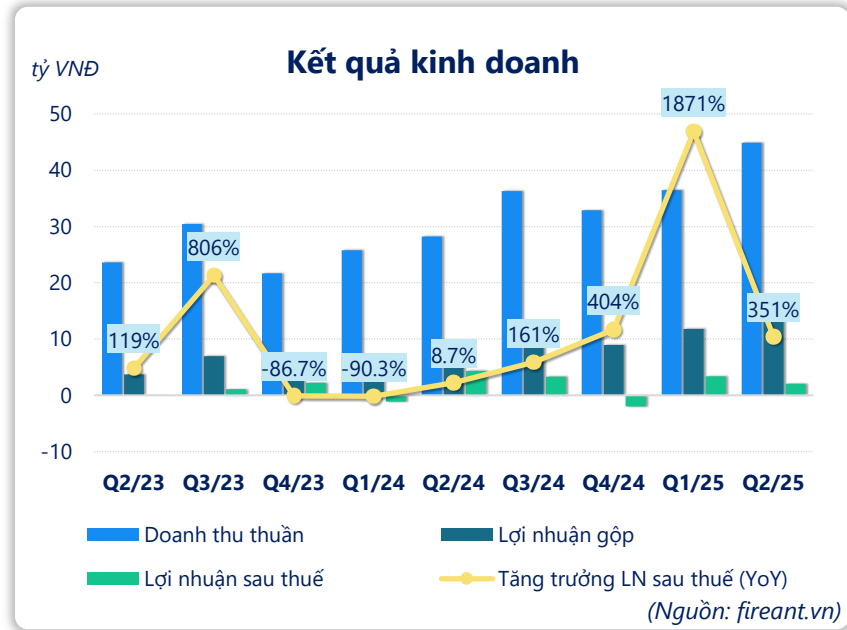
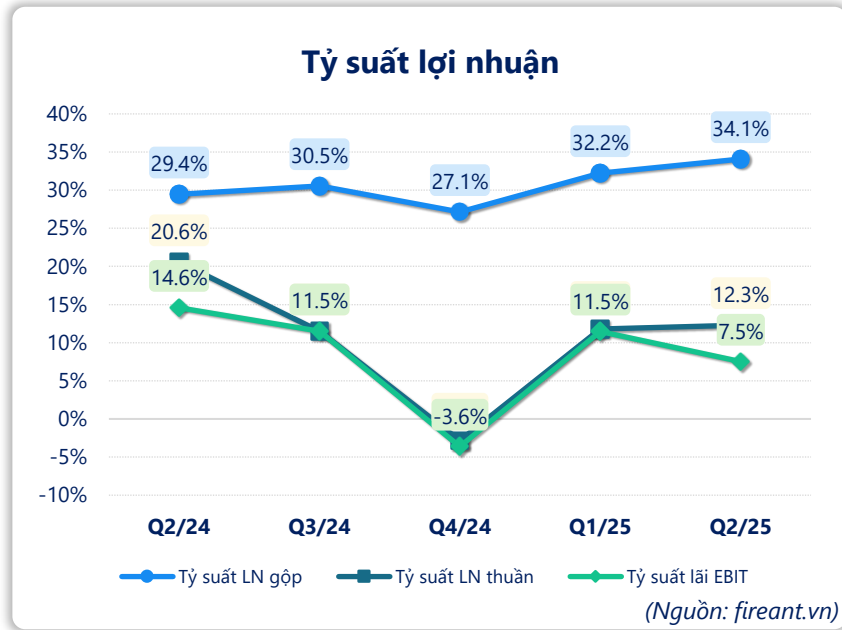
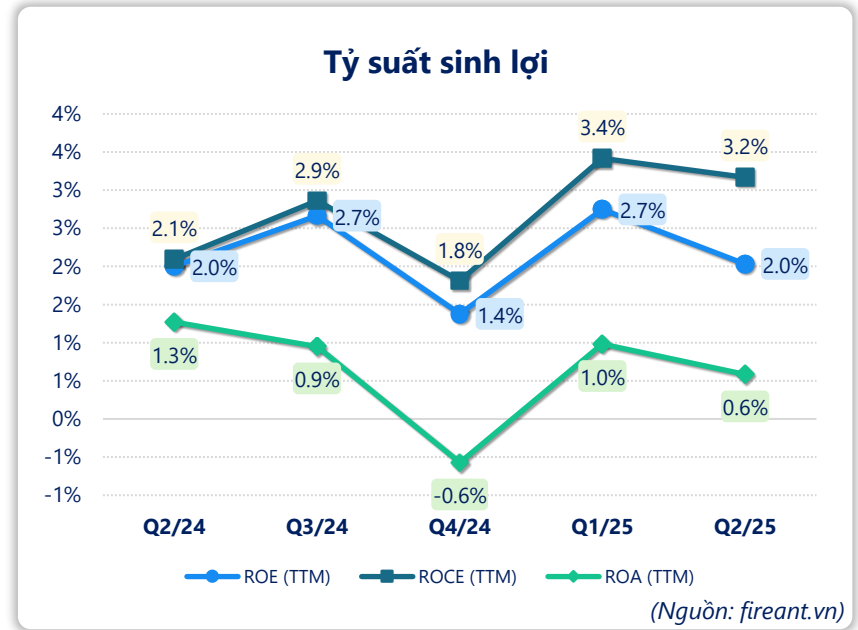
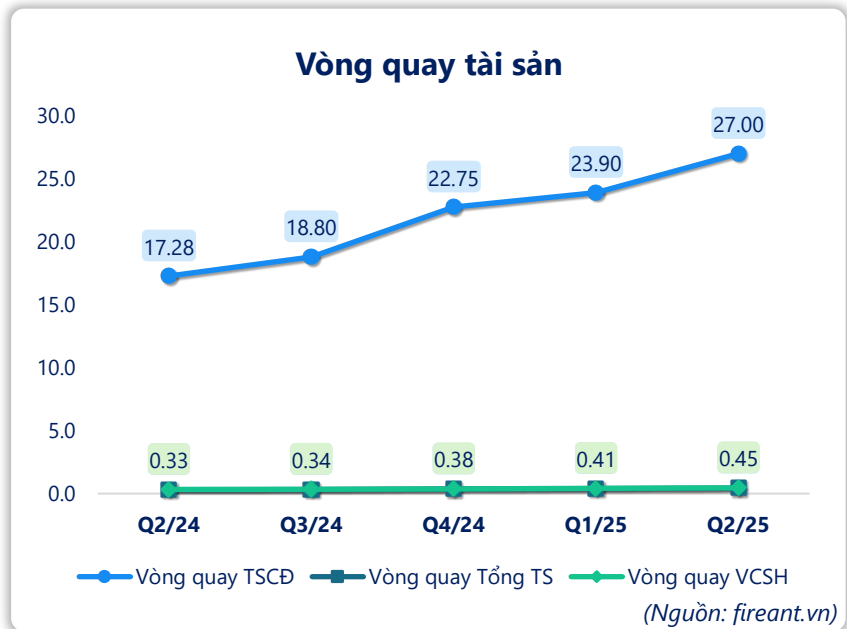
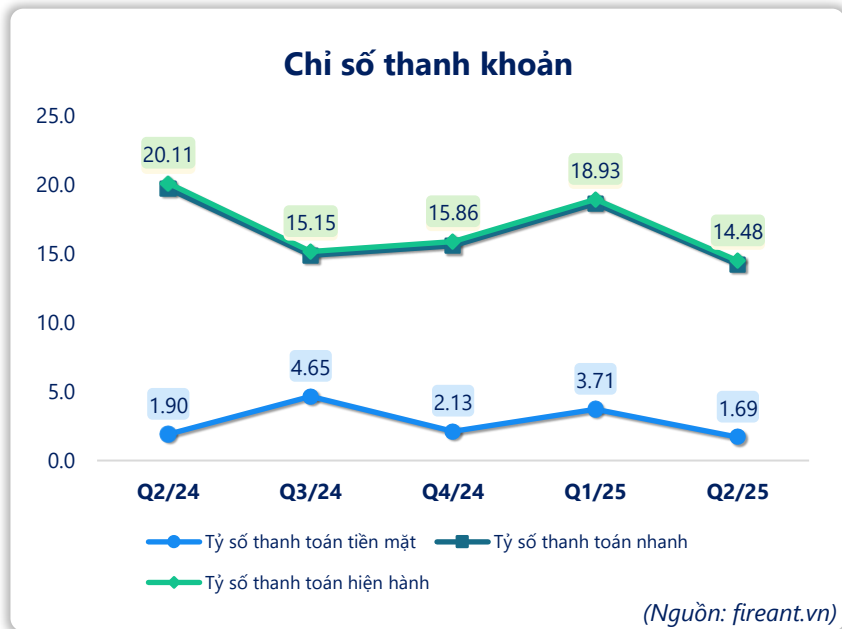
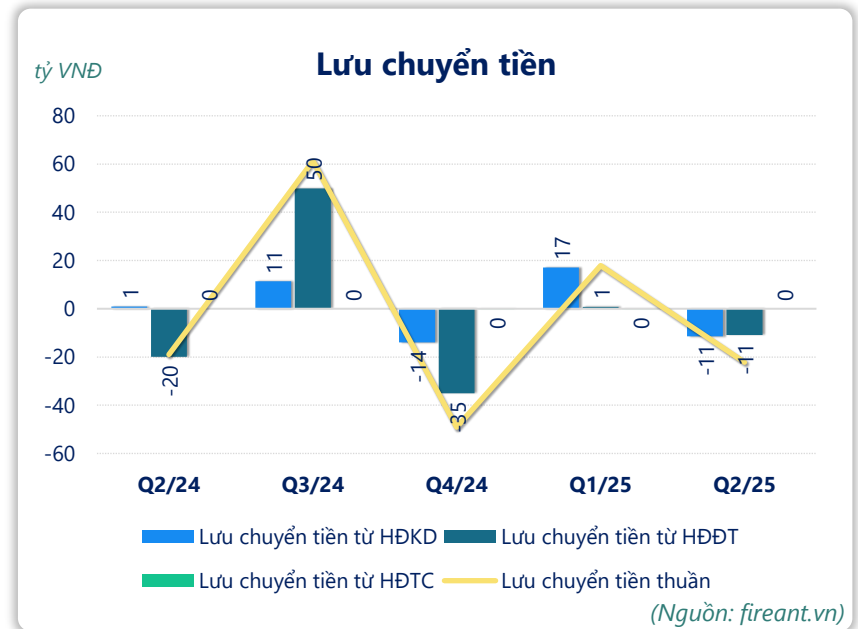


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,300
SL cổ phiếu LH		18,661,243
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,705
% sở hữu nước ngoài		1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		177
P/E		26.3
EPS		361

	YTD	1T	3T	6T
CIA	-9.5%	-4.0%	-5.0%	-4.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	356	349	2.3%
Tài sản ngắn hạn	291	286	1.8%
Tiền và tương đương tiền	33.9	38.3	-11.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	82.1	89.3	-8.1%
Phải thu ngắn hạn	168	151	11.2%
Hàng tồn kho	5.21	5.24	-0.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.73	1.79	-3.4%
Tài sản dài hạn	65.7	63.0	4.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.95	4.65	27.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.48	0.89	519%
Đầu tư tài chính dài hạn	47.7	47.1	1.2%
Tài sản dài hạn khác	6.63	10.4	-36.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	21.9	19.0	15.1%
Nợ ngắn hạn	20.1	18.0	11.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.85	8.76	-10.4%
Nợ dài hạn	1.79	1.01	76.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	335	330	1.5%
Vốn chủ sở hữu	335	330	1.5%
Vốn điều lệ	187	197	-5.3%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	28.2	36.3	32.8	36.5	44.9
Giá vốn hàng bán	19.9	25.2	23.9	24.7	29.6
Lợi nhuận gộp	8.31	11.1	8.91	11.8	15.3
Doanh thu HĐTC	3.44	2.21	1.68	1.99	5.02
Chi phí TC	-1.86	0.57	-1.17	-0.10	3.55
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0.40	0	-2.74	0	0
Chi phí bán hàng	4.05	3.93	3.75	4.17	4.84
Chi phí QLDN	4.16	4.63	6.21	5.37	6.40
LN thuần từ HĐKD	5.80	4.17	-0.93	4.31	5.53
Lợi nhuận khác	-1.69	0.00	-0.26	-0.12	-2.15
LN trước thuế	4.11	4.17	-1.19	4.18	3.37
Lợi nhuận sau thuế	4.34	3.30	-1.97	3.37	2.04
LNST của CĐ cty mẹ	4.34	3.30	-1.97	3.37	2.04

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.93	11.4	-14.0	17.1	-11.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.9	49.9	-35.1	0.75	-10.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0.00	-0.01	0
Tiền đầu kỳ	45.0	26.0	87.3	38.3	56.1
Lưu chuyển tiền thuần	-19.0	61.3	-49.1	17.8	-22.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.06	0.10	0.01	0.06
Tiền cuối kỳ	26.0	87.3	38.3	56.1	33.9

(Nguồn: fireant.vn)